

Số: 01/2020/QĐST-DS.

ĐP, ngày 18 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 612, 649, 651, 660 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 02 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2019/DSST ngày 17 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Cụm 3, xã LT, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Bà Công Thị Nh, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Cụm 2, xã TL, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Hữu Kh, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Cụm 2, xã TL, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

+ Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Cụm 2, xã TL, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Cụm 2, xã TL, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Cụm 2, xã TL, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Cụm 2, xã TL, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02, diện tích $144.9m^2$ tại địa chỉ xứ đồng Mầu, cụm 2, xã TL, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội, đã được UBND huyện ĐP cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 165526 ngày 16/7/2012 đứng tên hộ gia đình bà Công Thị Nh và ông Nguyễn Hữu H1, hiện nay bà Công Thị Nh đang quản lý sử dụng, là đất nông nghiệp được Nhà nước cấp cho hộ gia đình cụ Nguyễn Thị N từ năm 1987, gồm tiêu chuẩn của 03 nhân khẩu là cụ Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu H1 và bà Nguyễn Thị T.

- Bà Nguyễn Thị T, bà Công Thị Nh và ông Nguyễn Hữu Kh thỏa thuận xác định trong số $144.9m^2$ đất được giao nêu trên có $40m^2$ là của cụ Nguyễn Thị N, $40m^2$ là của bà Nguyễn Thị T, $64.9m^2$ là của ông Nguyễn Hữu H1.

2.2. Cụ Nguyễn Thị N chết năm 1988, những người thừa kế của cụ N tại thời điểm mở thừa kế gồm ông Nguyễn Hữu Kh, ông Nguyễn Hữu H1, bà Nguyễn Thị T; di sản thừa kế chưa chia là $40m^2$ đất nêu trên có trị giá 80.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Hữu H1 chết ngày 24/9/2012, những người thừa kế của ông H1 gồm bà Công Thị Nh, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị H.

- Ông Nguyễn Hữu Kh, bà Nguyễn Thị T và những người thừa kế của ông Nguyễn Hữu H1 thống nhất phân chia di sản của cụ Nguyễn Thị N như sau:

+ Bà Nguyễn Thị T được hưởng kỷ phần là $13m^2$, có giá trị 26.000.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Hữu Kh được hưởng kỷ phần là $13m^2$, có giá trị 26.000.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Hữu H1 được hưởng kỷ phần là $14m^2$, có giá trị 28.000.000 đồng.

2.3. Bà Công Thị Nh đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Thị T $40m^2$ đất thuộc tiêu chuẩn của bà T.

2.4. Ông Nguyễn Hữu Kh tự nguyện cho bà Nguyễn Thị T được hưởng $13m^2$ đất thuộc kỷ phần thừa kế của ông Kh.

2.5. Tổng số diện tích bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng là $66m^2$ đất trong tổng số $144.9m^2$ đất của thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02, xứ đồng Mầu, cụm 2, xã TL, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

2.6. Do bà Công Thị Nh và những người thừa kế là các con của ông Nguyễn Hữu H1 không đề nghị chia thừa kế tài sản của ông H1 nên giao bà Nh tiếp tục quản lý, sử dụng đối với diện tích $78.9m^2$ đất còn lại của thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02, xứ đồng Mầu, cụm 2, xã TL, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

Ranh giới giữa phần đất được giao cho bà Nguyễn Thị T và phần đất còn lại giao cho bà Công Thị Nh sử dụng, được xác định như sau: Trên cạnh phía Bắc của thửa đất lấy từ điểm giáp ranh với thửa đất số 81 kéo một đoạn thẳng dài 4.02m (gọi là điểm A); Trên cạnh phía Nam của thửa đất, từ điểm giáp ranh với thửa đất số 81 kéo một đoạn thẳng dài 4.01m (gọi là điểm B). Đường thẳng nối hai điểm AB dài 16.61m là ranh giới giữa phần đất của bà Nguyễn Thị T với phần đất còn lại của bà Công Thị Nh.

Như vậy, phần đất diện tích 66m² giao cho bà Nguyễn Thị T sử dụng có cạnh phía Bắc giáp thửa đất số 80, có chiều dài 4.02m; cạnh phía Nam giáp thửa đất số 120, chiều dài 4.01m; cạnh phía Đông giáp phần đất còn lại của thửa đất số 102, chiều dài là 16.61m; cạnh phía Tây giáp thửa đất số 81, chiều dài 16.55m. (Như sơ đồ kèm theo)

Các tài sản có trên đất thuộc phần đất của người nào, người đó được hưởng.

+ Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 2.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐP, Thành phố Hà Nội, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014253 ngày 17/12/2019. Hoàn trả lại cho bà T số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí còn lại.

Bà Công Thị Nh phải chịu 1.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện ĐP;
- CCTHADS huyện ĐP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hà